

Mục 1 - NHẬN DẠNG NGUYÊN LIỆU VÀ NHÀ CUNG CẤP

Văn Phòng Đại Diện Ensystem Company Limited
Tại Thành Phố Hồ Chí Minh
Tầng 4, Số 385A, Đường Cộng Hòa, Phường Tân Bình
Thành Phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 028 22539507

Tính chất hóa học:	Bả gel hoạt chất (S)-indoxacarb
Tên thương mại:	ZENITHOR™ Gel Cockroach Bait
Mã sản phẩm:	VNDP-HC-178-03-20
Công dụng:	Bả diệt gián được dùng theo mô tả trên nhãn của chế phẩm đã đăng ký
Ngày tạo:	12/2014
Phiên bản này được phát hành vào:	05/2026 và có hiệu lực trong vòng 5 năm tính từ tháng này.

Mục 2 - NHẬN DẠNG CÁC MỐI NGUY

Báo cáo về tính chất nguy hiểm

Sản phẩm này được xếp loại: không được xếp loại độc theo tiêu chuẩn của SWA.
Không phải Hàng hóa nguy hiểm theo Luật Hàng Hóa Nguy Hiểm Úc (ADG).

Phân loại theo SUSMP: S5

Phân loại theo ADG: Không chỉ định. Không thuộc Hàng hóa Nguy Hiểm theo Luật Hàng Hóa Nguy Hiểm Úc (ADG), IATA hoặc tiêu chí IMSBC. IATA: Không nguy hiểm cho vận chuyển đường hàng không.

Số UN: Không chỉ định.

Phân loại theo GHS: Không nguy hiểm

Từ cảnh báo GHS: KHÔNG.

THÔNG BÁO NGUY HIỂM: -

PHÒNG NGỪA

ỨNG PHÓ

LƯU TRỮ

THẢI BỎ

Tổng quan về Tình trạng khẩn cấp

Mô tả vật lý & màu sắc: Dạng gel có màu hổ phách đậm.

Mùi: mùi không đáng kể.

Các mối nguy đến sức khỏe: không có yếu tố rủi ro đáng kể nào được xác định đối với chế phẩm này.

Khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe

Hít vào:

Phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Dữ liệu có sẵn chỉ ra rằng chế phẩm này không có hại. Ngoài ra, chế phẩm cũng không có khả năng gây ra bất kỳ sự khó chịu hay kích ứng.

Phơi nhiễm trong thời gian dài: Không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc hít vào trong thời gian dài.

Dính vào da:

Phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Dữ liệu có sẵn chỉ ra rằng chế phẩm này không có hại. Trong điều kiện sử dụng thông thường chế phẩm này không có hại gì. Ngoài ra, chế phẩm này không có khả năng gây ra bất kỳ sự khó chịu nào trong điều kiện sử dụng thông thường.

Phơi nhiễm trong thời gian dài: Không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc dính vào da trong thời gian dài.

Dính vào mắt:

Phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Dữ liệu có sẵn chỉ ra rằng sản phẩm này không có hại.

Phơi nhiễm trong thời gian dài: không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc dính vào mắt trong thời gian dài.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Phát hành: VPĐD Ensystem Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 22539507

Nuốt vào:

Phơi nhiễm trong thời gian ngắn: Phơi nhiễm qua đường miệng với lượng lớn là không có khả năng.

Phơi nhiễm trong thời gian dài: không có dữ liệu về những ảnh hưởng đến sức khỏe liên quan đến việc nuốt vào trong thời gian dài.

Khả năng gây ung thư:

SWA: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo SWA.

NTP: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo NTP.

IARC: Không có thành phần quan trọng được phân loại là chất gây ung thư theo IARC.

Mục 3 – Thành Phần/Thông Tin Về Thành Phần

Thành phần	Số CAS	Nồng độ, %	TWA (mg/m ³)	STEL (mg/m ³)
Indoxacarb	173584-44-6	0.6% (6.0 g/kg)	Không thiết lập	Không thiết lập
Các thành phần không độc hại	Khác nhau	đến 100%	Không thiết lập	Không thiết lập

Đây là một sản phẩm thương mại mà tỷ lệ chính xác của các thành phần có thể thay đổi chút ít. Lượng nhỏ các thành phần không độc hại khác cũng có thể.

Giá trị phơi nhiễm SWA TWA là nồng độ không khí trung bình của một chất đặc biệt khi tính toán trên một ngày làm việc 8 tiếng bình thường đối với một tuần làm việc có 5 ngày. STEL (Giới hạn phơi nhiễm ngắn hạn) là một giá trị phơi nhiễm mà có thể bằng (nhưng không nên vượt quá) 15 phút và không nên lặp đi lặp lại hơn 4 lần mỗi ngày. Nên cách ít nhất 60 phút giữa những lần phơi nhiễm kế tiếp đối với STEL. Thuật ngữ "đỉnh" được sử dụng khi giới hạn TWA, vì hoạt động nhanh của một chất, không bao giờ được vượt quá, thậm chí trong một thời gian ngắn.

Mục 4 – Các Biện Pháp Sơ Cứu**Thông tin chung:**

Bạn nên liên hệ ngay với bác sĩ hoặc bệnh viện nếu cảm thấy rằng mình có thể đã bị ngộ độc, bị bỏng hoặc bị kích ứng bởi sản phẩm này. Giữ SDS này khi gọi.

Hít vào: Thông thường không cần các biện pháp sơ cứu. Nếu nghi ngờ, liên hệ bác sĩ.

Đính vào da: Nhẹ nhàng lau sạch chế phẩm bị dính. Không có khả năng kích ứng. Rửa nhẹ với nước ấm trong 5 phút hoặc đến khi sạch hóa chất.

Đính vào mắt: Nhanh chóng và nhẹ nhàng lau sạch chế phẩm. Không gây ra ảnh hưởng gì. Rửa nhẹ với nước ấm trong 5 phút hoặc đến khi sạch hóa chất. Liên hệ tư vấn y tế nếu kích ứng gây đau hoặc kéo dài hơn một vài phút. Chăm sóc đặc biệt nếu người tiếp xúc mang kính áp tròng.

Nuốt phải: Nếu nuốt phải hoặc chế phẩm rơi vào trong miệng, KHÔNG gây nôn; súc miệng với nước. Nếu triệu chứng gia tăng, hoặc nghi ngờ thì gọi bác sĩ.

Mục 5 – Biện Pháp Chữa Cháy

Mối nguy về cháy nổ: Mối nguy hiểm lớn trong các vụ cháy thường là hít phải những khí nóng và độc hoặc thiếu oxy (hoặc cả hai), những khí tạo ra khi cháy. Không có nguy cơ phát nổ từ chế phẩm này trong những trường hợp bình thường nếu có liên quan đến lửa.

Những chất phân hủy tạo ra do lửa từ sản phẩm này có thể độc nếu hít phải. Thực hiện các biện pháp bảo vệ thích hợp.

Phương tiện chữa cháy: Không cháy. Sử dụng phương tiện chữa cháy phù hợp với vật liệu cháy.

Đội cứu hỏa: Nếu một lượng lớn sản phẩm liên quan đến đám cháy, gọi cho đội cứu hỏa.

Điểm bốc cháy: Không cháy.

Giới hạn bắt cháy cao nhất: Không cháy.

Giới hạn bắt cháy thấp nhất: Không cháy.

Nhiệt độ tự bốc cháy: Không có dữ liệu - không cháy.

Phân loại tính cháy: Không cháy.

Mục 6 – Biện Pháp Xử Lý Rủi Ro

Xử lý rủi ro: Chế phẩm này dạng rắn được chứa trong bao bì nhỏ, và việc xử lý rủi ro với một trong những bao bì này thường không đáng lo ngại. Với một lượng nhỏ bị đổ, hãy dọn dẹp, lau chùi và bỏ bao bì rỗng vào thùng rác. Mặc dù thông thường không cần quần áo bảo hộ đặc biệt khi tiếp xúc với lượng nhỏ chế phẩm, nhưng việc đeo găng tay không thấm nước khi xử lý bằng chế phẩm này là một việc tốt. Trong trường hợp đổ tràn lượng lớn, ngăn chặn chế phẩm đi vào đường cống hoặc nguồn nước và gọi dịch vụ khẩn cấp.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Mục 7 – Quản Lý Và Lưu Trữ

Quản Lý: Hạn chế thấp nhất phơi nhiễm với sản phẩm này, và giảm thiểu số lượng lưu giữ trong khu vực làm việc. Kiểm tra mục 8 của SDS này để biết chi tiết các biện pháp bảo hộ cá nhân, và đảm bảo rằng các biện pháp được tuân thủ. Các biện pháp được mô tả chi tiết dưới phần "Bảo Quản" nên được tuân thủ trong quá trình xử lý để giảm thiểu rủi ro cho người sử dụng tại nơi làm việc. Ngoài ra, tránh tiếp xúc hoặc gây ô nhiễm sản phẩm với các vật liệu không tương thích được liệt kê trong Mục 10.

Lưu Trữ: Lưu trữ bao bì sản phẩm khỏi ánh nắng. Lưu trữ trong bao bì gốc đậy kín trong khu vực khô, mát, thông thoáng tránh ánh nắng. Đảm bảo sản phẩm không tiếp xúc với các chất được liệt kê trong phần "Không Tương Hợp" tại Mục 10. Kiểm tra bao bì - có thể có thêm hướng dẫn lưu trữ trên nhãn.

Mục 8 – Kiểm Soát Phơi Nhiễm Và Bảo Hộ Cá Nhân

Các tiêu chuẩn của Úc sau đây sẽ cung cấp tư vấn tổng quát về quần áo và thiết bị an toàn:

Thiết bị hô hấp: **AS/NZS 1715**, Găng tay bảo hộ: **AS 2161**, Quần áo bảo hộ lao động: bộ AS/NZS 4501 2008, Thiết bị bảo hộ mắt công nghiệp: **AS1336** và **AS/NZS 1337**, Giày bảo hộ lao động: **AS/NZS2210**.

Giới hạn phơi nhiễm SWA **TWA (mg/m³)** **STEL (mg/m³)**

Những giới hạn phơi nhiễm chưa được SWA thiết lập cho bất kỳ thành phần quan trọng nào trong sản phẩm này.

Thông thường không cần thiết bị gì đặc biệt khi thỉnh thoảng xử lý số lượng nhỏ. Những hướng dẫn sau dành cho việc xử lý với số lượng lớn hoặc nơi thường phơi nhiễm trong môi trường nghề nghiệp xảy ra mà không có hệ thống ngăn chặn thích hợp.

Thông thoáng: Thông thường không có yêu cầu thông thoáng gì đặc biệt. Tuy nhiên cần đảm bảo môi trường làm việc được duy trì sạch sẽ và giảm thiểu bụi bẩn.

Bảo Vệ Mắt: Thông thường không có yêu cầu gì đặc biệt.

Bảo Vệ Da: Theo thông tin mà chúng tôi có thì sản phẩm này được xem là không có hại và thông thường không cần bảo vệ da. Tuy nhiên, chúng tôi đề nghị rằng bạn thường xuyên tránh tiếp xúc với các chế phẩm hóa chất và đeo loại găng tay phù hợp khi có khả năng tiếp xúc da.

Các loại vật liệu bảo vệ: Chúng tôi đề nghị trang phục bảo hộ được làm từ cao su, PVC.

Mục 9 – Đặc Tính Lý Hóa

Ngoại dạng và màu sắc:	Dạng gel có màu hổ phách đậm.
Mùi:	Mùi không đáng kể.
Điểm sôi:	Không dữ liệu.
Điểm đóng băng/ Nóng chảy:	Không có dữ liệu cụ thể. Thể gel ở nhiệt độ bình thường.
Chất bay hơi:	Thành phần nước.
Áp suất hơi:	Không áp dụng.
Tỷ trọng hơi nước:	Không dữ liệu.
Trọng lượng riêng:	Không dữ liệu.
Tính tan trong nước:	Một số, nhưng không phải tất cả các thành phần đều hòa tan.
pH:	Xấp xỉ 7.
Tính chất dễ bay hơi:	Không dữ liệu.
Ngưỡng mùi:	Không dữ liệu.
Tốc độ bay hơi:	Không dữ liệu.
Hệ số phân bố dầu/nước:	Không dữ liệu.
Nhiệt độ tự bốc cháy:	Không dữ liệu – không cháy.

Mục 10 – Độ Ổn Định Và Khả Năng Phản Ứng

Khả năng phản ứng: Sản phẩm này không có khả năng phản ứng hoặc phân hủy trong điều kiện lưu trữ thông thường. Tuy nhiên, nếu bạn có bất kỳ nghi ngờ, liên hệ với nhà cung cấp để được tư vấn về đặc tính thời hạn sử dụng.

Những điều kiện cần tránh: Lưu trữ sản phẩm khỏi ánh nắng. Lưu trữ trong bao bì gốc đậy kín ở nơi khô, mát, thông thoáng tránh ánh nắng.

Chất không tương hợp: tác nhân oxi hóa mạnh.

Phân hủy bằng lửa: Sự đốt cháy tạo thành CO₂, và nếu đốt cháy không hoàn toàn, tạo thành CO và có thể là khói. Nước cũng được tạo thành. Ngộ độc CO gây ra nhức đầu, yếu ớt, buồn nôn, chóng mặt, rối loạn, nhìn không rõ, sự xáo trộn phán xét, và bất tỉnh sau đó là hôn mê và chết.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Sự trùng hợp: Sản phẩm này sẽ không trải qua phản ứng trùng hợp.

Mục 11 – Thông Tin Độc Chất

Độc tính: Độc tính cấp tính: độc tính qua đường miệng: ĐỘC TÍNH THẤP. Các thử nghiệm trên chuột cống cho thấy sản phẩm này có độc tính thấp sau khi sử dụng các liều chế phẩm đơn lẻ không pha loãng; LD₅₀ > = 5,000 mg/kg.
Độc tính qua da: ĐỘC TÍNH THẤP. Các thử nghiệm trên chuột cống cho thấy sản phẩm này có độc tính thấp sau khi da tiếp xúc với chế phẩm không pha loãng; LD₅₀ > = 5,000 mg/kg.
Qua đường hô hấp: ĐỘC TÍNH THẤP. Các thử nghiệm trên chuột cống cho thấy sản phẩm này không có hại do hít phải hoạt chất; LC₅₀ (4h) = > 5.5 mg/L không khí.
Kích ứng da: KHÔNG KÍCH ỨNG.
Kích ứng mắt: KHÔNG KÍCH ỨNG.
Sự miễn cảm: KHÔNG PHẢI LÀ CHẤT GÂY MIỄN CẢM.
Độc mãn tính: Thuốc kỹ thuật Indoxacarb được thử nghiệm rộng rãi trên các động vật có vú trong phòng thí nghiệm và trong hệ thống ống nghiệm. Không thu được bằng chứng về tác dụng gây đột biến hoặc gây ung thư.

Sự Phân Loại Các Thành Phần Độc Hại

Thành phần

Ký hiệu nguy hiểm

Không có thành phần nào được đề cập trong Bảng Dữ Liệu HSIS có trong sản phẩm này ở nồng độ nguy hiểm. Không có dữ liệu để chỉ ra bất kỳ cơ quan mục tiêu cụ thể nào.

Mục 12 – Thông Tin Sinh Thái

Độc cao đối với cá LC₅₀ (96h) = 0.65 mg/L cá hồi vân (tên khoa học Oncorhynchus mykiss). Độc cao đối với động vật thủy sinh không xương sống, EC₅₀ (48h) = 0.6 mg/L bọ chết nước (tên khoa học Daphnia magna). Thực tế không độc với thực vật thủy sinh EC₅₀ (14 ngày) = > 84.3 mg/L bèo tấm (tên khoa học Lemna gibba).
Tính bền bỉ và khả năng phân hủy: Indoxacarb không dễ phân hủy sinh học. Indoxacarb không được xem là bền bỉ.
Khả năng tích lũy sinh học: Indoxacarb không được xem là tích lũy sinh học hay độc hại.

Mục 13 – Phương Cách Thải Bỏ

Thải bỏ: Thải bỏ một lượng nhỏ chế phẩm và bao bì rỗng bằng cách gói vào giấy và bỏ vào thùng rác. Đối với lượng lớn chế phẩm, nếu không thể tái chế, hãy sử dụng dịch vụ xử lý rác thải thương mại.

Mục 14 – Thông Tin Vận Chuyển

Mã ADG: Sản phẩm này không được phân loại vào Hàng Hóa Nguy Hiểm theo ADG, IATA hoặc tiêu chí của IMSBC. Không đòi hỏi những điều kiện vận chuyển đặc biệt ngoại trừ yêu cầu từ các quy định khác.
IATA: Không nguy hiểm đối với vận tải đường hàng không.

Section 15 - Regulatory Information

AICS: Tất cả các thành phần quan trọng trong công thức tuân thủ theo các quy định của NICNAS.
Thành phần sau đây: indoxacarb, được đề cập trong SUSMP.

Mục 16 – Thông Tin Khác

SDS này chỉ chứa thông tin liên quan đến an toàn. Đối với dữ liệu khác, xem các tài liệu về sản phẩm.
Nếu có bất cứ mâu thuẫn nào giữa SDS này và nhãn sản phẩm đã đăng ký, xin tham khảo thông tin trên nhãn.

TM Nhãn hiệu của Ensystem, Inc được sử dụng theo giấy phép của Văn Phòng Đại Diện Ensystem Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh.

BẢNG DỮ LIỆU AN TOÀN

Phát hành: VPĐD Ensystem Company Limited Tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 22539507